CÔNG AN HÀ TÂY
Phòng CSGT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: A 0014285

ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ

Tên chủ xe: BAN THANH TRA GIAO THÔNG-HT.
Nơi thường trú: 1-Quang Trung-Hà đông-Hà tây
Nhãn hiệu: MITSUBISHI Số loại: CANTER
Loại xe: Tải Màu sơn: Trắng
Số máy: 4D32J34325 Số khung: 515B31000001
Tự trọng: 2235 kg
Tải trọng: - Hàng hóa: 1900 kg
- Số chỗ ngồi: 03 (Kể cả lái phụ xe)

Hà Tây, ngày 01 tháng 04 năm 2003

Trưởng phòng

Biển số:
33A-1296

Đăng ký lần đầu
ngày 01/04/2003

TRƯỞNG PHÒNG CSGT
Thiếu tá: Phạm Tiến Thủy

---

1. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Biển đăng ký: 33A-1296 (Registration Number)
Số quản lý: 3302S-005727 (Vehicle Inspection No.)
Loại phương tiện: (Type) ô tô tải (thùng hở)
Nhãn hiệu: (Mark) MITSUBISHI
Số loại: (Model code) canter
Số máy: (Engine Number) 4D32J34325
Số khung: (Chassis Number) RLAFE515B31000001
Năm, Nước sản xuất: 2003, Việt Nam (Manufactured Year and Country)
Niên hạn SD: 2028 (Lifetime limit to)
Kinh doanh vận tải (Commercial Use) -
Cải tạo (Modification) -

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x2 (Wheel Formula)
Vết bánh xe: 1420/1370 (Wheel Tread) (mm)
Kích thước bao: (Overall Dimension) 4820 x 1750 x 2005 (mm)
Kích thước lòng thùng xe (Inside cargo container dimension) 3060x1600x380 (mm)
Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 2500 (mm)
Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 2235 (kg)
Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: 1900/1900 (kg)
(Design/Authorized pay load)
Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 4300/4300 (kg)
(Design/Authorized total mass)
Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized towed mass)
Số người cho phép chở: 3 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)
Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Diesel
Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 3567 (cm3)
Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 78(kW)/3500vph

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)
1: 2; 750-15
2: 2; 750-15

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2021
(Issued on: Day/Month/Year)
ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH
(INSPECTION CENTER)
PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Đức Ân

Số phiếu kiểm định (Inspection Report No) 3302S-11712/21
Có hiệu lực đến hết ngày (Valid until) 19/04/2022

Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)
Có lắp camera (Equipped with camera)
Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued
Ghi chú: